

Pleiku, ngày 26 tháng 04 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN**Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021****Kính gửi:** - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.**1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI GIA LAI**

- Mã chứng khoán: CGL.
- Địa chỉ trụ sở chính: số nhà 56 Lê Lợi, phường Hội Thương, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.
- Điện thoại: 0269 3823 154, Fax: 0269 3 823 666.
- Người thông tin công bố: ông Nguyễn Thái Bình, chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.
- Địa chỉ: 26 Lương Thạnh, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.
- Điện thoại: cơ quan 0269 3822 977, di động 0913450102

2. Loại công bố thông tin: định kỳ.**3. Nội dung thông tin công bố: Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.****4. Tài liệu đính kèm gồm:**

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
- Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
- Tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết.

5. Các thông tin trên được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 26/04/2021 tại đường dẫn www.comexim.com.vn, mục Quan hệ cổ đông/Công bố thông tin.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Thư ký Công ty.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
Chủ tịch HĐQT**NGUYỄN THÁI BÌNH**



Địa chỉ: 56 Lê Lợi, T.P Pleiku, tỉnh Gia Lai
Điện thoại: 02693. 823978 Fax: 02693.823666
Website: www.comexim.com.vn

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI GIA LAI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty CP Thương mại Gia Lai;

Căn cứ kết quả cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần thương mại Gia Lai ngày 25/4/2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020.

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc Công ty năm 2020.

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020.

Điều 4. Thông qua Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát năm 2020.

Điều 5. Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2021

- Doanh số: 950 tỉ đồng (Công ty mẹ 770 tỉ đồng, Công ty con 180 tỉ đồng).
- Lợi nhuận sau thuế: 5,1 tỉ đồng (Công ty mẹ 3,5 tỉ đồng, Công ty con 1,6 tỉ đồng).

Điều 6. Thông qua mức cổ tức chi trả cho cổ đông năm 2021: từ 5% trên mệnh giá cổ phần trở lên.

Điều 7. Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính năm 2021

Danh sách các Công ty kiểm toán được lựa chọn để thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty như sau:

- Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC;
- Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A & C tại Nha Trang.

Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị (HĐQT) lựa chọn một trong hai Công ty kiểm toán nêu trên để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, với chi phí hợp lý và đúng quy định của pháp luật.





Pleiku, ngày 25 tháng 4 năm 2021

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI GIA LAI NĂM 2021

Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai

Địa chỉ trụ sở chính: 56 Lê Lợi, phường Hội Thương, Tp Pleiku, tỉnh Gia Lai

Mã số doanh nghiệp: 5900182111

Căn cứ Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, hôm nay, vào lúc 7 giờ 30 phút ngày 25 tháng 4 năm 2021, tại Hội trường Công ty, 110 Nguyễn Chí Thanh, Pleiku, Gia Lai, Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (sau đây gọi tắt là Đại hội).

Vào lúc 08 giờ 00 cùng ngày, ông Trịnh Xuân Vỹ – Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội, cụ thể như sau:

- Tổng số cổ đông được mời theo danh sách chốt cổ đông ngày 25/3/2021: 153 cổ đông, đại diện sở hữu 1.880.000 cổ phần, chiếm tỉ lệ 100%.

- Tổng số cổ đông/đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội: 69 cổ đông, đại diện sở hữu 1.443.282 cổ phần, chiếm tỉ lệ 76,77 % trên tổng số 1.880.000 cổ phần; trong đó:

+ Số cổ đông trực tiếp tham dự Đại hội: 46 cổ đông, đại diện sở hữu 1.101.122 cổ phần, chiếm tỉ lệ 58,57% trên tổng số 1.880.000 cổ phần.

+ Số cổ đông thông qua các đại diện được ủy quyền đến tham dự Đại hội: 23 cổ đông, đại diện sở hữu 342.160 cổ phần, chiếm tỉ lệ 18,20% trên tổng số 1.880.000 cổ phần.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9, thông qua ngày 17/6/2020 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành.

A. Thành phần tham dự Đại hội

- Các cổ đông Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai.

- Các thành viên Hội đồng quản trị (HDQT): có mặt 8/8.
- Các thành viên Ban kiểm soát (BKS): có mặt 3/3.
- Cán bộ quản lý Công ty CP Thương mại Gia Lai và Comexim Chư Sê,

B. Chủ tọa, Thư ký Đại hội

I. Chủ tọa

Ông Nguyễn Thái Bình – Chủ tịch Hội đồng quản trị

II. Thư ký

Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Thư ký Công ty

C. Chương trình Đại hội

Ông Nguyễn Thái Bình – Chủ tọa Đại hội thông qua chương trình làm việc của Đại hội.

Sau khi nghe trình bày, các cổ đông và đại diện được ủy quyền tiến hành biểu quyết để thông qua chương trình làm việc. Kết quả: 100% cổ đông và đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội thống nhất thông qua.

D. Nội dung, diễn biến Đại hội

I. Đại hội nghe trình bày Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HDQT, Quy chế hoạt động của BKS và Tờ trình xin thông qua các nội dung này.

1. Ông Huỳnh Văn Phong – Ủy viên thường trực HDQT thay mặt HDQT trình bày các nội dung:

- Điều lệ công ty (sửa đổi, bổ sung),
- Quy chế nội bộ quản trị công ty,
- Quy chế hoạt động của HDQT,
- Quy chế hoạt động của BKS.

2. Đại hội biểu quyết để thông qua Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HDQT, Quy chế hoạt động của BKS bằng hình thức biểu quyết trực tiếp.

- Trước khi biểu quyết, ông Trịnh Xuân Vỹ, thay mặt Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo việc đăng ký của cổ đông đến tham dự Đại hội, cụ thể:

So với ban đầu lúc khai mạc, tại thời điểm 9 giờ 15 phút, có thêm 3 cổ đông/đại diện được ủy quyền đến làm thủ tục tham dự Đại hội, nâng tổng số cổ đông/đại diện được ủy quyền lên 72 cổ đông/đại diện được ủy quyền, đại diện cho số cổ phần sở hữu 1.473.364 cổ phần, chiếm tỉ lệ 78,37% trên tổng số 1.880.000 cổ phần.

- Ông Huỳnh Văn Phong – Ủy viên thường trực HĐQT thay mặt HĐQT trình bày Tờ trình xin thông qua Điều lệ và các quy chế được trình bày tại mục I.1.

Để thực hiện công tác kiểm phiếu tại Đại hội, Đại hội tiến hành bầu Ban kiểm phiếu. Ông Huỳnh Văn Phong – Ủy viên thường trực HĐQT thừa ủy nhiệm của Chủ tọa đại hội giới thiệu nhân sự để bầu vào Ban kiểm phiếu như sau:

- (1) Bà Đặng Thị Bích Vân – Cổ đông, Phó phòng Kế toán làm Trưởng ban;
- (2) Bà Tô Thị Quyên – Cổ đông, Phó phòng Kế toán làm thành viên;
- (3) Bà Lê Thị Phương Thảo – Cổ đông, Phó phòng Hành chính làm thành viên.

Đại hội tiến hành biểu quyết để thông qua danh sách Ban kiểm phiếu. Kết quả biểu quyết, 100% cổ đông/đại diện được ủy quyền thống nhất thông qua danh sách thành viên Ban kiểm phiếu.

Kết quả biểu quyết (BQ) như sau:

Stt	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Không ý kiến	
		Số phiếu BQ	%	Số phiếu BQ	%	Số phiếu BQ	%
1	Điều lệ Công ty (sửa đổi, bổ sung)	1.473.364	100	0	0	0	0
2	Quy chế nội bộ quản trị Công ty	1.473.364	100	0	0	0	0
3	Quy chế hoạt động của HĐQT	1.473.364	100	0	0	0	0
4	Quy chế hoạt động của BKS	1.473.364	100	0	0	0	0

Với kết quả biểu quyết trên, các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai đồng ý thông qua gồm:

- Điều lệ công ty (sửa đổi, bổ sung),
- Quy chế nội bộ quản trị công ty,
- Quy chế hoạt động của HĐQT,
- Quy chế hoạt động của BKS.

II. Đại hội nghe trình các báo cáo và tờ trình xin ý kiến một số vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội.

1. Các báo cáo của HĐQT, Tổng giám đốc và BKS

- Các báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 do ông Hồ Lê Thanh Tâm – Ủy viên thường trực HĐQT trình bày.

- Báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh năm 2020 của Công ty CP Thương mại Gia Lai và mục tiêu năm 2021 do ông Lê Đức Duy – Tổng giám đốc công ty trình bày.

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 do ông Huỳnh Văn Phong – Thường trực HĐQT trình bày.

- Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát năm 2020 do ông Nguyễn Bá Khiêm – Trưởng Ban kiểm soát trình bày.

2. Các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Ông Huỳnh Văn Phong – Thường trực HĐQT trình bày tờ trình của HĐQT xin ý kiến của cổ đông về một số vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội.

II. Đại hội thảo luận

Sau khi nghe các báo cáo và Tờ trình được trình bày tại Đại hội, không có cổ đông nào tham gia ý kiến về nội dung của các báo cáo và Tờ trình.

III. Đại hội biểu quyết thông qua nội dung các báo cáo đã được trình bày và biểu quyết thông qua các nội dung trình tại Đại hội

Ông Hồ Lê Thanh Tâm – Thường trực HĐQT thừa ủy nhiệm của Chủ tọa đại hội tiến hành lấy ý kiến cổ đông bằng hình thức biểu quyết trực tiếp để thông qua các báo cáo và tờ trình đã trình bày trước Đại hội.

Trước khi biểu quyết, số cổ đông/đại diện ủy quyền tham dự Đại hội không có sự thay đổi so với lần báo cáo gần nhất của Ban kiểm tra tư cách cổ đông vào lúc 09 giờ 15 phút.

Kết quả biểu quyết như sau:

Stt	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Không ý kiến	
		Số phiếu BQ	%	Số phiếu BQ	%	Số phiếu BQ	%
1	Các báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020	1.473.364	100	0	0	0	0
2	Báo cáo của Tổng giám đốc năm 2020	1.473.364	100	0	0	0	0
3	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020	1.473.364	100	0	0	0	0

4	Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát năm 2020	1.473.364	100	0	0	0	0
5	Kế hoạch kinh doanh năm 2021	1.473.364	100	0	0	0	0
6	Mức cổ tức chi trả cho cổ đông năm 2021	1.473.364	100	0	0	0	0
7	Việc lựa chọn công ty kiểm toán năm tài chính 2021	1.473.364	100	0	0	0	0
8	Thù lao chi trả cho HĐQT và BKS năm 2021	1.473.364	100	0	0	0	0

Với kết quả biểu quyết trên, căn cứ Điều lệ công ty, các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai đồng ý thông qua gồm:

- Các báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020;
- Báo cáo của Tổng giám đốc năm 2020;
- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020;
- Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát năm 2020;
- Kế hoạch kinh doanh năm 2021;
- Mức cổ tức chi trả cho cổ đông năm 2021;
- Việc lựa chọn công ty kiểm toán năm tài chính 2021;
- Thù lao chi trả cho HĐQT và Ban kiểm soát năm 2021.



IV. Thông qua Nghị quyết Đại hội và bế mạc Đại hội

Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Thư ký đại hội trình bày Nghị quyết đại hội. Sau khi nghe trình bày, Đại hội tiến hành biểu quyết để thông qua Nghị quyết đại hội.

Ông Huỳnh Văn Phong – Ủy viên thường trực HĐQT, thừa ủy quyền của Chủ tọa tiến hành biểu quyết thông qua Nghị quyết đại hội. Kết quả biểu quyết như sau: Số cổ phần đồng ý là 1.473.364 cổ phần, chiếm tỉ lệ 100%; số cổ phần không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0%; số cổ phần có ý kiến khác là 0 cổ phần, chiếm tỉ lệ 0%.

Căn cứ theo kết quả biểu quyết, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 được Đại hội nhất trí thông qua.

Sau khi Đại hội biểu quyết thông qua Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2021, Ông Nguyễn Thái Bình – Chủ tọa đại hội tổng kết và bế mạc Đại hội.

Biên bản này được lập vào lúc 11 giờ 30 phút ngày ngày 25 tháng 4 năm 2021 ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai kết thúc.

(Biên bản gồm 06 trang)

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



NGUYỄN THÁI BÌNH



COMEXIM®

Địa chỉ: 56 Lê Lợi, T.P Pleiku, tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 02693. 823978 Fax: 02693.823666

Website: www.comexim.com.vn

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI GIA LAI

Gia Lai, ngày 25 tháng 4 năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	3
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	3
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	3
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....	4
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	4
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	5
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	5
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	5
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	5
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	5
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	6
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	6
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	6
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp).....	7
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	7
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	7
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	8
Điều 12. Quyền của cổ đông	8
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	9
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	13
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	18
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	21
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	21
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	23
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	25
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	25
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	27
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty.....	27

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	28
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	28
Điều 34. Người điều hành Công ty.....	28
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	29
IX. BAN KIỂM SOÁT	29
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	29
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát.....	30
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát	30
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	31
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát	31
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	32
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	32
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	32
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	33
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	34
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	34
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	34
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn	34
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	35
Điều 46. Phân phối lợi nhuận	35
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	35
Điều 47. Tài khoản ngân hàng	35
Điều 48. Năm tài chính	36
Điều 49. Chế độ kế toán	36
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	36
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	36
Điều 51. Báo cáo thường niên.....	36
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	36
Điều 52. Kiểm toán.....	36
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	37
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp	37
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	37
Điều 54. Giải thể công ty.....	37
Điều 55. Gia hạn hoạt động.....	37
Điều 56. Thanh lý	37
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	38
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	38
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	Error! Bookmark not defined.
Điều 58. Điều lệ công ty	Error! Bookmark not defined.
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	Error! Bookmark not defined.
Điều 59. Ngày hiệu lực	Error! Bookmark not defined.

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, ngày 25 tháng 4 năm 2021 của Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai.
- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: Gia Lai Trading Joint Stock Company.
- Tên Công ty viết tắt: Comexim Gia Lai.

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty

- Địa chỉ trụ sở chính: 56 đường Lê Lợi, phường Hội Thương, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Điện thoại: (0269) 3 823 978 – 3 828 741 – 3 823 154.

- Fax: (0269) 3 823 666.

- E-mail: comexim.gl@gmail.com

- Website: www.comexim.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 59 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 2 người đại diện theo pháp luật, bao gồm:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
2. Tổng giám đốc.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định trong Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ quản trị của Công ty, các quy chế, quy định của Công ty và quy định của pháp luật.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là thương mại dịch vụ, bán buôn, bán lẻ và cung cấp tất cả các sản phẩm, dịch vụ mà pháp luật không cấm, phù hợp mục tiêu và năng lực của Công ty. Ngoài lĩnh vực nêu trên, Công ty có thể kinh doanh thêm những ngành nghề khác, không bị cấm theo quy định của pháp luật, phù hợp với năng lực và xét thấy đem lại lợi ích cho Công ty.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm nâng cao giá trị Công ty, tối đa hóa lợi ích cho nhà đầu tư, tăng thu nhập, tạo việc làm cho người lao động và làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề đã đăng ký trên Cổng thông tin điện tử quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 18.800.000.000 đồng (bằng chữ: mười tám tỷ, tám trăm triệu đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.880.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát

hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời gian đương nhiệm, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm không được chuyển nhượng cổ phần của mình, trừ những trường hợp đặc biệt được Hội đồng quản trị đồng ý. Thành viên có nhu cầu chuyển nhượng sẽ không được tham gia biểu quyết khi Hội đồng quản trị biểu quyết vấn đề này.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
3. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ

đồng về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi đề thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương

thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là tám (8) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác phù hợp.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Công ty thành lập Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và theo quy định tại Điều 36 đến Điều 41 Điều lệ này.

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát

đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập.

Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai nhất trí thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2021 tại Hội trường của Công ty (110 Nguyễn Chí Thanh, phường Chi Lăng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai) và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thái Bình

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

S tt	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ	Số CMND	Số cổ phần sở hữu
1	Nguyễn Thái Bình	1953	26 Lương Thạnh, Pleiku, Gia Lai	230007833	167.302
2	Phạm Kim Hùng	1955	11 Trần Bội Cơ, Pleiku, Gia Lai	230007771	78.160
3	Nguyễn Thanh Dương	1959	16/44 Trần Thiện Chánh, P 12, Q 10, Tp. HCM	023068502	140.028
4	Lê Đức Duy	1961	29 Kpa Klôn, Pleiku, Gia Lai	230297458	107.804
5	Nguyễn Kế Tánh	1961	158 Cao Bá Quát, Pleiku, Gia Lai	230282667	60.819
Tổng cộng					554.113

Số cổ phần phổ thông sở hữu của các cổ đông sáng lập căn cứ theo danh sách cổ đông chốt ngày 25/3/2021 do Trung tâm lưu ký chứng khoán lập.

Tổng số cổ phần phổ thông sở hữu của các cổ đông sáng lập so với tổng số cổ phần phổ thông của Công ty chiếm tỉ lệ 29,47%.

QUY CHẾ NỘI BỘ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/4/2021;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, ngày 25 tháng 4 năm 2021,

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 138 Luật Doanh nghiệp và Điều 15 Điều lệ công ty.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội đồng cổ

đồng bất thường theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty thì việc triệu tập Đại hội được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty.

b) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

c) Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

d) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

đ) Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Đối với những kiến nghị của cổ đông phù hợp theo quy định thì người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải đưa những vấn đề kiến nghị vào chương trình họp Đại Hội đồng cổ đông.

e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ công ty.

g) Cách thức đăng ký dự Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có trách nhiệm đăng ký tham dự theo cách thức được quy định trong Thông báo.

h) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định tại Điều 19 Điều lệ công ty.

i) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi Đại hội được tổ chức theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, đồng thời Nghị quyết được cổ đông hoặc đại diện ủy quyền thảo luận biểu quyết thông qua bằng hình thức bỏ phiếu hoặc biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp với tỉ lệ đồng ý của từng nội dung đảm bảo theo quy định của Điều lệ công ty.

k) Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 20 Điều lệ công ty. Tùy theo hình thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông và nội dung biểu quyết, Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ hướng dẫn cụ thể cách thức bỏ phiếu cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp.

l) Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Ban tổ chức Đại hội sẽ chuẩn bị bộ phận giúp việc, Ban kiểm phiếu có thể quyết định bộ phận giúp việc cho mình.

Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu vào phiếu biểu quyết được phát tại cuộc họp và bỏ vào thùng phiếu. Phiếu biểu quyết hợp lệ và đã có chữ ký của cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp là bằng chứng xác nhận ý kiến biểu quyết của cổ đông về vấn đề được nêu trong phiếu.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Đại hội sẽ chỉ định một (01) hoặc một số cổ đông không có lợi ích liên quan đến nội dung biểu quyết, bầu cử thực hiện giám sát việc kiểm phiếu.

m) Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu.

n) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi đáp ứng được yêu cầu theo quy định tại Điều 21 Điều lệ công ty.

o) Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

Trong trường hợp nếu xảy ra vấn đề như trên, Hội đồng quản trị phải tạo điều kiện tối đa để cổ đông thực hiện được yêu cầu của cổ đông theo đúng quy định.

p) Biên bản Đại hội đồng cổ đông được lập theo quy định tại Điều 23 Điều lệ công ty.

q) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được Chủ tọa công bố trước khi bế mạc cuộc họp. Việc công bố thông tin được thực hiện theo quy định của Điều 23 Điều lệ công ty và pháp luật.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

a) Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

Các vấn đề sau đây không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- Định hướng phát triển công ty;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Tổ chức lại, giải thể công ty.

b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ công ty.

4. Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Tùy theo tình hình và điều kiện cho phép, Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ chịu trách nhiệm thông báo chi tiết trình tự, thủ tục họp cho cổ đông trước khi tổ chức. Thông báo sẽ được gửi đồng thời cùng với thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Tùy theo tình hình và điều kiện cho phép, Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến sẽ chịu trách nhiệm thông báo chi tiết trình tự, thủ tục cho cổ đông trước khi tổ chức. Thông báo sẽ được gửi đồng thời cùng với thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có đầy đủ quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong công ty.

Liên quan đến việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh trong bộ máy của Công ty, thẩm quyền quyết định được phân cấp như sau:

- Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác có liên quan;

- Hội đồng quản trị cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác mà Công ty có tham gia đầu tư vốn, quyết định các chức danh quản lý ở các công ty con và ở các công ty mà Công ty nắm giữ cổ phần chi phối, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của người đó;

- Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh khác trong bộ máy quản lý và quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác có liên quan của những người đó theo đề nghị của Tổng giám đốc, gồm: Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các lĩnh vực (hành chính, tài chính, kinh doanh hoặc tương đương), Giám đốc các chi nhánh, trưởng các văn phòng đại diện hoặc tương đương.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 26 Điều lệ công ty.

b) Thành viên Hội đồng quản trị là người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, lĩnh vực kinh doanh của

Công ty, tài chính và chứng khoán; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

c) Ứng cử, đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp có quyền gộp số cổ phần của từng người lại với nhau để đề cử, ứng cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- Các thông tin khác (nếu có).

d) Thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông bầu theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

đ) Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

e) Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được Công ty công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

g) Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc

tổ chức đề cử. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị. Nguyên tắc giới thiệu thêm hoặc tổ chức đề cử ứng cử viên của Hội đồng quản trị:

- Số lượng ứng cử viên giới thiệu thêm hoặc tổ chức đề cử tối đa bằng số lượng thành viên Hội đồng quản trị quy định trong Điều lệ công ty trừ đi số lượng ứng cử viên đã được đề cử và ứng cử theo quy định cộng thêm một (01);

- Các ứng cử viên được giới thiệu thêm hoặc tổ chức đề cử phải đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Quy chế này;

- Công khai thông tin các ứng cử viên được giới thiệu thêm hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều 25 Điều lệ công ty.

3. Thù lao và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 28 Điều lệ công ty.

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

a) Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

b) Hội đồng quản trị sẽ phải triệu tập họp bất thường trong các trường hợp sau:

- Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

- Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

- Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

- Các trường hợp khác xét thấy cần thiết, cấp bách để giải quyết những vấn đề thuộc quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị họp lệ. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác phù hợp và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

d) Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

đ) Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

e) Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp;
- Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác phù hợp.

g) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

h) Một thành viên Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho người khác thay mình dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị với điều kiện việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản và sự ủy quyền đó nhận được sự đồng ý của đa số các thành viên Hội đồng quản trị.

i) Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản được lập bằng thể thức văn bản thì phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Nội dung biên bản phải có những nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

k) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định của Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

1) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.

5. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)

Việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có) được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Điều lệ công ty và pháp luật.

6. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

Tiêu chuẩn, điều kiện, bổ nhiệm, miễn nhiệm, vai trò và nhiệm vụ của người phụ trách quản trị công ty thực hiện theo quy định tại Điều 32 Điều lệ công ty.

Điều 4. Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ cụ thể được quy định tại Điều 39 Điều lệ công ty.

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

a) Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

b) Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 37 Điều lệ công ty.

c) Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 15% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 15% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát. Nguyên tắc giới thiệu thêm hoặc tổ chức đề cử ứng cử viên của Ban kiểm soát:

- Số lượng ứng cử viên giới thiệu thêm hoặc tổ chức đề cử tối đa bằng số lượng thành viên Ban kiểm soát quy định trong Điều lệ công ty trừ đi số lượng ứng cử viên đã được đề cử và ứng cử theo quy định cộng thêm một (01);

- Các ứng cử viên được giới thiệu thêm hoặc tổ chức đề cử phải đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Quy chế này;

- Công khai thông tin các ứng cử viên được giới thiệu thêm hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều 25 Điều lệ công ty.

d) Thành viên Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông bầu theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

đ) Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 37 Điều lệ công ty.

e) Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

g) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 41 Điều lệ công ty.

Điều 5. Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất mọi hoạt động của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Quyền và nghĩa vụ cụ thể của Tổng giám đốc được quy định tại Điều 35 Điều lệ công ty.

Liên quan đến bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý, ngoài những chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 3 Quy chế này, Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm và quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác có liên quan đối với các chức danh khác, gồm: cấp phó các phòng, cấp phó các chi nhánh, giám sát, trưởng các bộ phận/tổ hoặc tương đương. Trước khi bổ nhiệm, Tổng giám đốc phải tham vấn Chủ tịch Hội đồng quản trị và phải thông tin cho Hội đồng quản trị trong vòng 24 giờ kể từ khi có quyết định bổ nhiệm.

2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể tự mình ứng cử hoặc đề cử Tổng giám đốc để Hội đồng quản trị xem xét quyết định. Hội đồng quản trị sẽ tổ chức họp để biểu quyết thông qua, việc bổ nhiệm được thể hiện bằng nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Tổng giám đốc sẽ được miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Do nhu cầu công tác, điều điều, luân chuyển nhân sự của Công ty;
- Hết hợp đồng lao động;
- Đến tuổi nghỉ hưu và không có nhu cầu gia hạn/tái ký hợp đồng lao động;
- Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác.

Tổng giám đốc sẽ bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;
- Vi phạm pháp luật đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

Hội đồng quản trị sẽ tổ chức họp để xem xét việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm được thể hiện bằng nghị quyết của Hội đồng quản trị.

5. Nếu Hội đồng quản trị thuê một người không phải là thành viên Hội đồng quản trị làm Tổng giám đốc, bên cạnh nghị quyết của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị phải ký kết hợp đồng lao động theo đúng quy định của Luật lao động, phù hợp các quy định của Công ty và pháp luật.

6. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

a) Nguyên tắc phối hợp

- Luôn vì lợi ích chung của Công ty.
- Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Công ty.
- Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch.
- Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.

b) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị thủ tục và trình tự mời họp đã được đề cập trong phần triệu tập họp Hội đồng quản trị. Trong trường hợp Tổng giám đốc không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị sẽ mời Tổng giám đốc tham dự cuộc họp (không biểu quyết) các cuộc họp Hội đồng quản trị nếu xét thấy cần thiết. Nội dung họp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc được tích hợp trong chương trình họp Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Biên bản cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc được thực hiện tương tự như cuộc họp Hội đồng quản trị. Tùy theo nội dung cuộc họp, kết quả cuộc họp sẽ được thông báo đến tất cả các bên liên quan, các phòng, đơn vị trong Công ty; việc công bố thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

c) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được gửi cho Ban kiểm soát, Tổng giám đốc như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

d) Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

Theo quy định của Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát có quyền đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Xung đột quyền, nghĩa vụ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc;
- Khủng hoảng mà việc xử lý vượt quá thẩm quyền của Tổng giám đốc;
- Các giao dịch mà Tổng giám đốc là một bên liên quan;
- Các phát sinh trọng yếu trong quá trình thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Các nội dung vượt thẩm quyền của Tổng giám đốc, các nội dung vượt thẩm quyền theo ủy quyền của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc.

đ) Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

Các nội dung Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao luôn được tích hợp thành nội dung trong chương trình họp Hội đồng quản trị. Định kỳ hàng quý, năm Tổng giám đốc phải báo cáo cho Hội đồng quản trị các nội dung:

- Kết quả kinh doanh của Công ty, so sánh với kế hoạch và cùng kỳ năm trước;
- Đánh giá và phân tích kết quả kinh doanh, việc triển khai thực hiện các mục tiêu giải pháp đã đề ra;
- Việc chấp hành của bộ máy quản trị công ty đối với luật pháp và các quy chế, quy định của Công ty;
- Việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định, kết luận của Hội đồng quản trị của kỳ họp trước;
- Các nội dung cần trình và đề xuất kiến nghị nếu có. Kèm theo tờ trình và các đề xuất kiến nghị là văn bản, tài liệu có liên quan đến nội dung cần trình và đề xuất kiến nghị.

Chậm nhất là ngày 20 của tháng liền kề sau tháng cuối cùng của mỗi quý, Tổng giám đốc phải gửi toàn bộ nội dung báo cáo trên cho Hội đồng quản trị. Kết thúc Quý IV, ngoài những nội dung báo cáo trên, Tổng giám đốc phải đề trình kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính cho năm tài chính tiếp theo để Hội đồng quản trị phê chuẩn. Tất cả các tài liệu do Tổng giám đốc trình và gửi cho Hội đồng quản trị phải là văn bản chính thức, có ký tên, đóng dấu.

e) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc

Các nội dung giám sát việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc luôn được tích hợp thành nội dung trong chương trình họp Hội đồng quản trị.

g) Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Tổng giám đốc sẽ cung cấp thông tin bằng cách thức phù hợp khi thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát yêu cầu cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty theo đúng quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc sẽ phải báo cáo bằng văn bản.

Tổng giám đốc phải báo cáo, trao đổi thông tin cho Hội đồng quản trị theo Quy định chế độ báo cáo, trao đổi thông tin giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty.

h) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

Đối với Tổng giám đốc

- Thành viên Hội đồng quản trị phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát Tổng giám đốc theo Điều lệ công ty, các quy chế quy định của Công ty và Quy chế này.

- Thành viên Hội đồng quản trị có thể trao đổi ngay tại các cuộc họp Hội đồng quản trị.

- Thành viên Hội đồng quản trị có thể phối hợp với các cán bộ quản lý khác sau khi tham khảo với Tổng giám đốc về chủ đề, thời gian và các nội dung khác.

- Các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải phê duyệt theo đề xuất của Tổng giám đốc có liên quan đến cơ cấu tổ chức, công tác cán bộ của Công ty được quy định trong Điều lệ công ty, Hội đồng quản trị phải phản hồi trong vòng 7 ngày hoặc một thời hạn khác do các bên thỏa thuận.

- Trong trường hợp cấp thiết, vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ của mình, các thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty nhưng phải được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Yêu cầu phải được lập bằng văn bản và gửi cho Tổng giám đốc trước ít nhất 24 giờ.

- Hội đồng quản trị có trách nhiệm phản hồi các nội dung: kiến nghị về Điều lệ; Quy chế quản trị nội bộ công ty; cơ cấu tổ chức và số lượng người quản lý trong thời hạn 15 ngày. Các nội dung phê chuẩn giao dịch với người có liên quan hoặc giao dịch trọng yếu, Hội đồng quản trị phải phản hồi bằng văn bản trong thời hạn 7 ngày.

- Trong trường hợp cuộc họp của Hội đồng quản trị có mời cán bộ quản lý khác hoặc bất kỳ cấp quản lý nào thì Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi thông báo mời họp, nội dung chuẩn bị (nếu có) trước ít nhất 5 ngày (thông qua Thư ký).

Đối với Ban kiểm soát

- Đối với hoạt động của Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác, căn cứ vào các báo cáo hoạt động thường kỳ và những yêu cầu cung cấp thông tin cá biệt của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền đề nghị Hội đồng quản trị xem xét lại các quyết định của Tổng Giám đốc. Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Điều lệ công ty và có thể gây thiệt hại lớn về vật chất, uy tín của Công ty, Ban kiểm soát có quyền gửi thông báo đến Tổng giám đốc nhằm mục đích yêu cầu dừng ngay việc thực hiện các quyết định đó. Trong vòng một (01) giờ kể từ khi gửi yêu cầu, Ban kiểm soát phải thông báo ý kiến của Ban kiểm soát với các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ ra thông báo về việc ngừng thực hiện các quyết định của Tổng giám đốc.

- Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của Ban kiểm soát phải được gửi đến Công ty trước ít nhất 48 giờ.

- Đối với việc sử dụng tư vấn độc lập bên ngoài, Ban kiểm soát phải thông tin về phạm vi, giá trị và các nội dung trọng yếu khác trong vòng 48 giờ kể từ thời điểm xác lập dịch vụ đó.

2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác

a) Hàng năm, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc. Tổng giám đốc chủ trì đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của các người quản lý khác.

Hồ sơ đánh giá sẽ được lưu trữ tại Công ty theo chế độ lưu trữ thông tin bảo mật.

b) Khen thưởng

- Hàng năm, việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động của Quy chế này.

- Hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu theo hình thức lựa chọn cho người lao động trong Công ty (nếu có), bằng hình thức phi vật chất khác.

- Khen thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội hàng năm hoặc Hội đồng quản

trị sẽ quyết định trong phạm vi thù lao được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn. Khen thưởng cho các người quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

- Đối với đối tượng là điều hành, nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác, hoặc sẽ được tính vào chi phí trước thuế theo các quy định pháp luật có liên quan. Mức khen thưởng sẽ căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm.

c) Kỷ luật

- Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng và tròn bổn phận sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và quản lý khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của hệ thống kỷ luật và quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai bao gồm 7 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2021.

Nơi nhận:

- Các thành viên HĐQT;
- Các thành viên BKS;
- Tổng giám đốc;
- Phó Tổng giám đốc;
- Cán bộ quản lý công ty;
- Lưu Thư ký công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thái Bình

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Thương mại Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 ngày 25 tháng 4 năm 2021,

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật;

e) Báo cáo trước Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện công việc được phân công, trường hợp đặc biệt phải báo cáo kịp thời với Chủ tịch hội đồng quản trị để xem xét giải quyết.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 26 Điều lệ công ty.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị và thường trực Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Đề thuận lợi trong việc quản lý và giải quyết kịp thời các công việc đột xuất, Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị và thay mặt Hội đồng quản trị giải quyết các công việc đột xuất liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, đồng thời báo cáo kết quả công việc đã giải quyết tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng quản trị;
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được

ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

6. Thường trực Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị chỉ định, gồm có Chủ tịch Hội đồng quản trị và một số thành viên Hội đồng quản trị. Thường trực Hội đồng quản trị là bộ phận giúp việc cho Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị. Thường trực Hội đồng quản trị nếu được ủy quyền sẽ thay mặt Hội đồng quản trị để thực hiện các công việc trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối

cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty; các quy chế nội bộ khác của Công ty; phê duyệt và ủy quyền cho Tổng giám đốc ký Thỏa ước lao động tập thể;

r) Tham dự các cuộc họp giao ban và các cuộc họp khác của Công ty. Làm việc trực tiếp với các đơn vị trực thuộc Công ty để thực thi quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị theo kế hoạch đã thông báo cho Tổng giám đốc;

s) Sử dụng các phòng, ban, người quản lý khác của Công ty giúp cho công tác của Hội đồng quản trị theo kế hoạch đã thông báo cho Tổng giám đốc;

t) Sử dụng phương tiện, vật chất kỹ thuật và con dấu của Công ty để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình;

u) Thành lập các tiểu ban và hoặc thuê tư vấn để giúp việc cho Hội đồng quản trị;

v) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công

ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác phù hợp.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai bao gồm 7 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2021.

Nơi nhận:

- Các thành viên HĐQT;
- Các thành viên BKS;
- Tổng giám đốc;
- Phó Tổng giám đốc;
- Cán bộ quản lý công ty;
- Lưu Thư ký công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thái Bình



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, ngày 25 tháng 4 năm 2021,

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai bao gồm các nội dung sau:

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- 1) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- 2) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

3) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

4) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

5) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

6) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

7) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm

thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc

kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng

quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

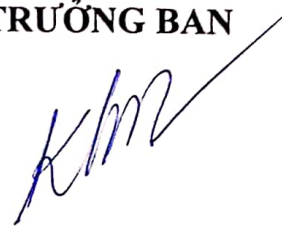
Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2021.

Nơi nhận:

- Các thành viên BKS;
- Các thành viên HĐQT;
- Tổng giám đốc;
- Phó Tổng giám đốc;
- Cán bộ quản lý công ty;
- Lưu Thư ký công ty.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Bá Khiêm



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai.

Thực hiện nhiệm vụ của Tổng giám đốc được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông năm 2020 và các quy định có liên quan của Công ty, Tổng giám đốc xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 các nội dung sau:

Phần thứ I: Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020

1. Mục tiêu, kế hoạch

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, mục tiêu kinh doanh của Công ty như sau:

- Doanh thu 800 tỉ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế 3 tỉ đồng.

2. Kết quả thực hiện mục tiêu, kế hoạch

Trên cơ sở mục tiêu, kế hoạch được giao, thực hiện quan điểm, định hướng năm 2020 là “tái cơ cấu hệ thống kinh doanh, cải tiến mô hình quản trị, kiểm soát chặt chẽ các chỉ tiêu tài chính nhằm hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2020”, song hành với nhiệm vụ kinh doanh, thực hiện chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và hệ thống quản trị đã triển khai thực hiện, kết quả năm 2020 đạt được như sau:

2.1. Kết quả thực hiện doanh thu

Stt	Lĩnh vực, ngành/nhóm hàng	Năm 2020				Năm 2019		SS 2020/2019	
		K.hoạch (tỉ đồng)	T.hiện (tỉ đồng)	Tỉ trọng (%)	TH/KH (%)	T.hiện (tỉ đồng)	Tỉ trọng (%)	+/- (tỉ đồng)	%
1	Hàng tiêu dùng	740,0	718,69	92,04	97,12	759,54	91,15	-40,85	94,62
2	Phân bón và dvụ	51,3	54,52	6,98	106,28	63,35	7,60	-8,83	86,06
3	Xe máy, PT, dvụ	7,0	5,86	0,75	83,71	8,52	1,02	-2,66	68,78
4	Cho thuê tài sản	1,7	1,81	0,23	106,47	1,85	0,22	-0,04	97,84
Cộng		800,0	780,88	100,00	97,61	833,26	100,00	-52,38	93,71

Doanh thu của Công ty chỉ đạt 97,61% so với kế hoạch, giảm 6,29% so với năm 2019, nguyên nhân:

- Sức mua của thị trường trong năm 2020 vẫn rất thấp, tình hình dịch bệnh kéo dài ảnh hưởng nhiều đến tình hình kinh tế nên việc kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng, doanh thu của một số ngành hàng bị giảm sút;

- Năm 2020 là năm Công ty thực hiện mạnh mẽ việc tái cơ cấu hệ thống kinh doanh, thay đổi mô hình quản trị trong đó có chủ động thu hẹp quy mô, chấm dứt kinh doanh đối với một số ngành/nhóm hàng nên doanh thu giảm, thực tế doanh thu giảm do tái cơ cấu chiếm trên 71% trong tổng doanh thu bị giảm.

Tuy nhiên, việc thực hiện doanh thu năm 2020 cũng cho thấy những mặt tích cực, về tổng thể Công ty đã tiệm cận với mục tiêu đề ra; các ngành/nhóm hàng có quy mô lớn vẫn có sự tăng trưởng về doanh thu/sản lượng; mặc dù tình hình dịch bệnh phức tạp nhưng doanh thu xuất khẩu vẫn có sự tăng trưởng; dịch vụ cho thuê kho phát triển tốt.

2.2. Kết quả thực hiện lợi nhuận

S tt	Chỉ tiêu	Năm 2020			T.hiện 2019 (tỉ đồng)	SS 2020/2019	
		KH (tỉ đồng)	T.hiện (tỉ đồng)	TH/KH (%)		+/-	%
1	Lợi nhuận trước thuế (a+b-c)		7,407		1,659	5,748	446,47
a	Hoạt động kinh doanh	3,75	3,462	92,32	1,659	1,803	208,68
b	Lợi nhuận khác		5,841				
c	Trích lập quỹ dự phòng		1,896				
2	Lợi nhuận sau thuế	3,00	5,873	195,77	1,273	4,600	461,35
a	Hoạt động kinh doanh	3,00	2,717	90,57	1,273	1,444	213,43
b	Lợi nhuận khác		3,156				

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh thực hiện được 2,717 tỉ đồng, đạt 90,57% so với kế hoạch nguyên nhân chính là do Công ty phải đầu tư chi phí để xử lý những tồn đọng khi chấm dứt kinh doanh đối với một số ngành/nhóm hàng trong quá trình tái cơ cấu hệ thống kinh doanh. Tuy nhiên, việc tái cơ cấu hệ thống kinh doanh, cải tiến mô hình quản trị, kiểm soát chặt chẽ các chỉ tiêu tài chính đã cải thiện rất lớn hiệu quả kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- So với năm 2019, lợi nhuận tăng 113,43%, tỉ lệ chi phí trên doanh thu giảm (giảm 0,12%) tỉ lệ thu nhập trên doanh thu tăng (tăng 0,09%) nên tỉ suất lợi nhuận trên doanh thu tăng (tăng 0,22%);

- Vốn kinh doanh bình quân của Công ty giảm so với năm 2019, tất cả các đơn vị đều giảm vốn sử dụng phù hợp với việc giảm doanh thu; việc kiểm soát các chỉ số liên quan đến vốn được thực hiện đồng bộ, chặt chẽ hơn;

- Các đơn vị, ngành/nhóm hàng nằm trong diện tái cơ cấu thì chỉ số phản ảnh hiệu quả kinh doanh, hiệu quả sử dụng vốn đều dịch chuyển theo hướng tích cực.

Thông qua lợi nhuận khác thu được, Công ty cũng đã chủ động trích lập quỹ dự phòng để đảm bảo an toàn, hạn chế tối đa những rủi ro về tài chính trong hoạt động của Công ty.

3. Đánh giá chung

Kết quả hoạt động của Công ty trong năm 2020 đã có những dấu hiệu tốt hơn năm 2019 và cơ bản đã tạo được nền tảng để ổn định và từng bước phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, kết quả đạt được vẫn chưa đáp ứng kỳ vọng, trong quá trình thực hiện vẫn bộc lộ những tồn tại như sau:

- Tổng giám đốc và hệ thống quản trị chưa dự lường hết những hệ lụy phát sinh của việc tái cơ cấu tác động đến công tác kinh doanh của Công ty nên việc kiểm tra, xử lý những tồn tại sau khi tái cơ cấu, bố trí sắp xếp lại hệ thống kinh doanh chưa được quan tâm, giải quyết kịp thời;

- Các chỉ tiêu tài chính chưa thật sự trở thành một công cụ chính để đánh giá, làm cơ sở để nâng cao chất lượng điều hành và cải thiện hiệu quả kinh doanh nên hiệu quả chưa đạt được sự kỳ vọng.

Nguyên nhân: Tổng giám đốc và hệ thống quản trị còn thiếu chủ động trong việc kiểm tra, giám sát, ban hành chính sách; thiếu sự đồng bộ trong quá trình triển khai giải quyết công việc; việc áp dụng cơ chế đặc thù chưa rõ ràng, còn chông chéo, chưa phát huy được vai trò cá nhân trong việc phân công, phân nhiệm. Tổng giám đốc sẽ nghiêm túc rút kinh nghiệm và có biện pháp khắc phục trong năm 2021.

Phần thứ II: Kế hoạch kinh doanh năm 2021

1. Nhận định tình hình

Theo nhận định chung thì sức mua của thị trường vẫn chưa có dấu hiệu cải thiện; tình hình dịch bệnh tiếp tục diễn biến phức tạp và có khả năng kéo dài; yếu tố cạnh tranh cũng như các chính sách của các đối tác sẽ tiếp tục tạo nên áp lực lớn đối với hoạt động kinh doanh chung của Công ty.

2. Quan điểm

Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu hệ thống kinh doanh, tập trung cải cách, đổi mới cơ chế nhằm phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của từng cá nhân, từng khâu công việc, của từng đơn vị để thực hiện mục tiêu: “giảm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh”.

3. Kế hoạch năm 2021

- Doanh số: 770 tỉ đồng (bằng 98,61% so với năm 2020)
- Lợi nhuận sau thuế: 3,5 tỉ đồng (tăng 28,82% so với năm 2020)

Tổng giám đốc xin trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như trên,
- Các thành viên HĐQT.
- Ban kiểm soát,
- Lưu.





Địa chỉ: 56 Lê Lợi, T.P Pleiku, tỉnh Gia Lai
Điện thoại: 02693.823978 Fax: 02693.823666
Website: www.comexim.com.vn

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật có liên quan, HĐQT Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về hoạt động của HĐQT, kết quả kinh doanh và một số vấn đề có liên quan trong năm 2020 như sau:

I. Khái quát chung về Công ty

1. Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai, tên giao dịch: Comexim Gia Lai, có trụ sở chính đặt tại 56 Lê Lợi – Pleiku – Gia Lai, là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900182111 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 30/12/2004. Từ khi thành lập đến nay, để bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ và bổ sung người đại diện theo pháp luật, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được đăng ký thay đổi 13 lần, lần thứ 13 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 26/04/2018.

2. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 là 18.800.000.000 đồng.

3. Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên sàn UPCoM, Mã chứng khoán CGL.

4. Tổ chức của Công ty, gồm:

4.1. HĐQT nhiệm kỳ 2018 – 2022, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 bầu, có 8 thành viên, gồm:

- Ông Nguyễn Thái Bình – Chủ tịch HĐQT
- Ông Huỳnh Văn Phong – Thường trực HĐQT (thành viên HĐQT tham gia điều hành)
- Ông Hồ Lê Thanh Tâm – Thường trực HĐQT (thành viên HĐQT tham gia điều hành)
- Ông Lê Đức Duy – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc (thành viên HĐQT tham gia điều hành)
- Ông Nguyễn Thanh Dương – Thành viên HĐQT
- Ông Phạm Kim Hùng – Thành viên HĐQT
- Ông Lê Thanh Tùng – Thành viên HĐQT
- Bà Trần Thị Hồng Thảo – Thành viên HĐQT

4.2. Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2022, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 bầu và tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã

bầu bổ sung 01 thành viên thay thế cho thành viên có đơn xin từ chức, hiện nay có 3 thành viên, gồm:

- Ông Nguyễn Bá Khiêm – Trưởng Ban kiểm soát
- Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Thành viên
- Bà Lâm Thị Mỹ Dung – Thành viên

4.3. Ban Tổng giám đốc có 2 thành viên, bộ phận giúp việc gồm có 03 phòng Nghiệp vụ chuyên môn, Phòng Hành chính, Phòng Kế toán – Tài chính và Phòng Kinh doanh.

4.4. Các đơn vị trực thuộc gồm có 07 chi nhánh (01 chi nhánh ở Quy Nhơn), trong năm 2020 Công ty chấm dứt hoạt động 2 chi nhánh.

4.5. Công ty con: Công ty có 01 công ty con, Công ty TNHH một thành viên Comexim Chur Sê, đóng ở thị trấn Chur Sê, huyện Chur Sê, tỉnh Gia Lai.

4.6. Công ty liên kết: Công ty có tham gia 30% vốn để liên kết với Liên hiệp HTX Tp. Hồ Chí Minh thành lập Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn-Gia Lai. Công ty này là chủ đầu tư của Siêu thị Co.opMart Pleiku và Co.opMart Chur Sê.

II. Kết quả hoạt động của Công ty trong năm tài chính 2020

1. Kết quả kinh doanh năm 2020

Kết quả tổ chức thực hiện kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty Cp Thương mại Gia Lai (Công ty mẹ), của Công ty TNHH MTV Comexim Chur Sê (Công ty con) và Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – Gia Lai (Công ty liên kết) như sau:

Đvt: tỉ đồng

S tt	Chỉ tiêu	Doanh thu	So sánh (%)		Lợi nhuận	So sánh (%)	
			TH 2020/KH	TH Năm 2020/2019		TH 2020/KH	TH Năm 2020/2019
I	Công ty mẹ và công ty con						
1	Công ty mẹ	780,887	97,61	93,71	5,873		
-	Lợi nhuận từ kinh doanh				2,717	90,57	213,43
-	Lợi nhuận khác				3,156		
2	Công ty con	175,713	107,80	112,69	1,548	110,57	118,71
3	Cộng mẹ và con	956,600	99,33	96,71	7,421		
-	Lợi nhuận từ kinh doanh				4,265	96,93	165,50
-	Lợi nhuận khác				3,156		
II	Công ty liên kết						
1	Co.opMart Pleiku	363,263	88,69	89,14	3,502		158,17
2	Co.opMart Chur Sê	79,654	86,91	90,76	-8,882		69,61
3	Hợp nhất	440,603	87,90	89,46	-5,380		51,02

2. Đánh giá kết quả kinh doanh năm 2020.

Số liệu trên cho thấy, hoạt động kinh doanh năm 2020 của Công ty tốt hơn rất nhiều so với năm 2019 nhưng vẫn chưa đạt được mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020. Phân tích, đánh giá kết quả kinh doanh của Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết như sau:

2.1. Công ty mẹ

Trong bối cảnh dịch bệnh và triển khai thực hiện tái cơ cấu hệ thống kinh doanh, kết quả của Công ty đã tiệm cận với kế hoạch, mục tiêu đề ra, có sự tăng trưởng khá cao về lợi nhuận so với năm 2019. Kết quả đạt được năm 2020 đã tạo được nền tảng, tiền đề cho sự ổn định và phát triển của Công ty trong năm 2021. Mời quý cổ đông xem Báo cáo của Tổng giám đốc để có được phân tích đánh giá chi tiết hơn.

2.2. Công ty con

Với mục tiêu khai thác tối đa năng lực hiện có để nâng cao hiệu quả kinh doanh, năm 2020 với mục tiêu được giao: doanh thu 163 tỉ đồng, lợi nhuận 1,4 tỉ đồng thì Công ty con đã thực hiện vượt kế hoạch (số liệu đã báo cáo ở bảng trên).

Tuy nhiên trong quá trình giám sát và chỉ đạo, xét thấy cơ hội để Công ty con có thể tăng doanh thu và lợi nhuận, Hội đồng quản trị đã điều chỉnh kế hoạch năm 2020 cho Công ty con, cụ thể: doanh thu điều chỉnh tăng từ 163 lên 167 tỉ đồng, lợi nhuận điều chỉnh từ 1,4 lên 1,52 tỉ đồng. Với kế hoạch điều chỉnh này, Công ty con đã đạt 105,22% kế hoạch doanh thu, đạt 101,84% kế hoạch lợi nhuận.

Với kết quả trên Hội đồng quản trị đánh giá hoạt động Của công ty con có tính ổn định và có sự tăng trưởng qua các năm, trong quá trình hoạt động Công ty cũng đã nắm bắt và khai tốt cơ hội để gia tăng hiệu quả kinh doanh.

2.3. Công ty liên kết

Mặc dù bị ảnh hưởng rất lớn do tình hình dịch bệnh nên doanh thu thực hiện không đạt kế hoạch và giảm nhiều so với năm 2019 nhưng Công ty đã chủ động tiết giảm chi phí nên kết quả kinh doanh đã có sự cải thiện rất tốt. Cụ thể:

- Co.opMart Pleiku lợi nhuận đạt 3,502 tỉ đồng, tăng 58,17% so với năm 2019;

- Co.opMart Chư Sê lỗ -8,882 tỉ đồng, giảm lỗ so với năm 2019 là 3,877 tỉ đồng (tương đương 30,39%);

- Hợp nhất Co.opMart Pleiku và Co.opMart Chư Sê lỗ 5,38 tỉ đồng, giảm lỗ so với năm 2019 là 5,165 tỉ đồng (tương đương 48,98%).

Hội đồng quản trị cho rằng kết quả kinh doanh và xu hướng của Công ty liên kết là khả quan. Chắc chắn với xu hướng này, rủi ro về vốn đầu tư của Công ty sẽ ngày càng giảm thiểu.

III. Kết quả hoạt động của HĐQT

HĐQT là cơ quan được Đại hội đồng cổ đông bầu, có nhiệm vụ giám sát và chỉ đạo hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty, được cổ đông ủy

quyền để triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, trong năm 2020 HĐQT đã triển khai thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của mình như sau:

1. Các cuộc họp của HĐQT

Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 4 phiên họp thường kỳ, 7 phiên họp đột xuất và 01 lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT thông qua phiếu lấy ý kiến để xem xét quyết định các vấn đề của Công ty theo thẩm quyền của HĐQT (thời gian họp, nội dung họp được chi tiết trong Phụ lục đính kèm). Các cuộc họp đều được tổ chức theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của HĐQT.

Ngoài các cuộc họp, Chủ tịch HĐQT đã thường xuyên tổ chức hội ý trong thường trực, với Tổng giám đốc để chủ động giải quyết các công việc phát sinh để đảm bảo thực hiện được kế hoạch của HĐQT, các đề xuất của Tổng giám đốc.

Theo tổng hợp, ghi nhận sự tham gia của các thành viên HĐQT tại các cuộc họp HĐQT năm 2020 như sau:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Số lần tham gia	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Thái Bình	Chủ tịch HĐQT	12/12	Do ở xa, năm 2020 tình hình dịch bệnh phức tạp nên ông Nguyễn Thanh Dương không thể tham dự đầy đủ các cuộc họp.
2	Ông Huỳnh Văn Phong	UV TT HĐQT	12/12	
3	Ông Hồ Lê Thanh Tâm	UV TT HĐQT	12/12	
4	Ông Lê Đức Duy	UV HĐQT	12/12	
5	Ông Nguyễn Thanh Dương	UV HĐQT	9/12	
6	Ông Phạm Kim Hùng	UV HĐQT	12/12	
7	Ông Lê Thanh Tùng	UV HĐQT	12/12	
8	Bà Trần Thị Hồng Thảo	UV HĐQT	12/12	

2. Việc ban hành các nghị quyết, quyết định, văn bản của HĐQT

Bên cạnh tài liệu họp, Biên bản các cuộc họp được lập và lưu trữ theo quy định, năm 2020, căn cứ nội dung kết luận tại các phiên họp và để thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của mình, HĐQT đã ban hành 66 văn bản, gồm nghị quyết, quyết định, thông báo, ... (có Phụ lục chi tiết kèm theo) nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền phục vụ cho hoạt động của Công ty. Việc ban hành hệ thống văn bản của HĐQT cũng là cơ sở để giám sát, kiểm tra, chỉ đạo Tổng giám đốc và hệ thống quản trị triển khai thực hiện. Các nghị quyết, quyết định, thông báo được ban hành kịp thời, nội dung chỉ đạo sát với tình hình hoạt động của Công ty.

3. Việc chỉ đạo triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

3.1. Công tác kinh doanh

Kết quả được báo cáo ở khoản 1, Mục II Báo cáo này

3.2. Lựa chọn đơn vị kiểm toán

HĐQT đã ủy quyền cho Tổng giám đốc ký hợp đồng với Công ty Kiểm toán AAC Đà Nẵng, trực thuộc Bộ Tài chính để thực hiện kiểm toán cho Công ty trong năm tài chính 2020 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Một số công việc quan trọng khác đã triển khai thực hiện trong năm

3.1 Quyết định tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Comexim Chur Sê (Công ty con)

- Hội đồng quản trị đã quyết định tăng vốn điều lệ của Công ty con từ 3 tỉ đồng lên 11.197.536.000 đồng. Hình thức tăng vốn: tăng vốn góp bằng quyền sử dụng đất (7.278.312.000 đồng) và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất (919.224.000 đồng).

- Mục đích tăng vốn: Để Công ty con độc lập và chủ động trong việc giao dịch với các tổ chức tín dụng để vay vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

3.2 Hoàn tất thủ tục niêm yết cổ phiếu của Công ty trên sàn UPCoM

- Công ty đã hoàn tất các thủ tục đăng ký để niêm yết cổ phiếu của Công ty trên sàn UPCoM theo quy định.

- Ngày giao dịch đầu tiên 03/12/2020.

- Giá tham chiếu: 34.000 đồng/cổ phần.

3.3 Chấm dứt hoạt động 2 chi nhánh

Thực hiện tái cơ cấu hệ thống kinh doanh và từng bước thay đổi mô hình quản trị, trong năm 2020 Công ty đã chấm dứt hoạt động 2 chi nhánh: Chi nhánh Comexim 4 và Chi nhánh Comexim 6.

IV. Kết quả giám sát của HĐQT

Trên cơ sở các quy định hiện hành của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Công ty, HĐQT đã thực hiện vai trò là cơ quan quản lý, giám sát và chỉ đạo các hoạt động của Công ty.

1. Phương pháp giám sát

- Thông qua làm việc trực tiếp với Tổng giám đốc, Chủ tịch Công ty con và tham dự các cuộc họp do Tổng giám đốc tổ chức, trực tiếp tham vấn, trao đổi với hệ thống cán bộ điều hành, quản lý Công ty.

- Thông qua các văn bản điều hành, chỉ đạo của Tổng giám đốc, Chủ tịch công ty kết hợp với theo dõi, giám sát những vấn đề trọng tâm, kết quả kinh doanh thông qua chế độ báo cáo (định kỳ, đột xuất) của đội ngũ cán bộ quản lý.

- Phối hợp với Ban kiểm soát để nắm thông tin từ việc kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát, đặc biệt là những nội dung Ban kiểm soát kiến nghị Tổng giám đốc, Chủ tịch công ty.

- Kiểm tra nắm tình hình hoạt động của các Chi nhánh, của Công ty liên kết thông qua làm việc trực tiếp cũng như các báo cáo định kỳ, những nội dung công việc phát sinh.

2. Kết quả giám sát

2.1. Đối với Tổng giám đốc và hệ thống cán bộ quản lý ở Công ty mẹ

- Đối với việc thực hiện chỉ tiêu kế hoạch được giao: Về cơ bản HĐQT nhận thấy Tổng giám đốc và hệ thống cán bộ quản lý của Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện nhiệm vụ, chức trách được giao nhưng hiệu quả mang lại vẫn chưa đạt được như kỳ vọng. Nguyên nhân đã được Hội đồng quản trị đánh giá và kết luận trong các kỳ họp và trong Báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông, Tổng giám đốc cũng đã báo cáo rất cụ thể. Hội đồng quản trị yêu cầu Tổng giám đốc và hệ thống cán bộ quản lý cần phải cẩn trọng, có phương pháp làm việc khoa học hơn để cải thiện hiệu quả công việc, nâng cao hiệu quả quản lý điều hành Công ty.

- Đối với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: Các nội dung khác của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện tốt theo chỉ đạo, ủy quyền của HĐQT.

- Việc tổ chức triển khai các chủ trương của HĐQT và thực hiện thông báo kết luận của HĐQT qua các kỳ họp: Tổng giám đốc đã chủ động triển khai thực hiện các chủ trương và các thông báo kết luận của HĐQT tại các kỳ họp. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện của Tổng giám đốc và hệ thống cán bộ quản lý đối với một số kết luận, cũng như văn bản chỉ đạo của HĐQT còn thiếu đồng bộ nên hiệu quả chưa cao. Công tác tham vấn, trao đổi thông tin chưa thực hiện tốt.

2.2. Đối với Chủ tịch và Giám đốc Công ty con

Về cơ bản HĐQT nhận thấy Chủ tịch và Giám đốc công ty của Công ty con đã chủ động và có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện các chỉ đạo và ý kiến kết luận của HĐQT, điều hành hoạt động Công ty có hiệu quả, đúng quy định, cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2020. Chủ tịch Công ty đã chủ động xin chủ trương, tham vấn, báo cáo và cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động của Công ty cho HĐQT.

2.3. Đối với Người đại diện vốn trong Công ty liên kết

Tại các phiên họp của HĐQT, các vấn đề có liên quan đến quyền và lợi ích của Công ty tại Công ty liên kết đều được Người đại diện báo cáo cho HĐQT. Tình hình kinh doanh và các dự án đầu tư lớn của Công ty liên kết cũng được báo cáo tại các phiên họp định kỳ của HĐQT. HĐQT nhận thấy Người đại diện vốn của Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Quy chế quản lý vốn đầu tư của Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai vào các công ty con và công ty liên kết, liên kết.

V. Báo cáo thù lao của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, tiền lương, thu nhập của Tổng giám đốc

1. Thực hiện việc chi trả thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, HĐQT đã chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện việc chi trả thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát như sau:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Số tiền (đồng)
I	HĐQT		314.400.000
1	Ông Nguyễn Thái Bình	Chủ tịch HĐQT	120.000.000
2	Ông Huỳnh Văn Phong	UV thường trực HĐQT	31.200.000
3	Ông Hồ Lê Thanh Tâm	UV thường trực HĐQT	31.200.000
4	Ông Lê Đức Duy	UV HĐQT	26.400.000
5	Ông Nguyễn Thanh Dương	UV HĐQT	26.400.000
6	Ông Phạm Kim Hùng	UV HĐQT	26.400.000
7	Ông Lê Thanh Tùng	UV HĐQT	26.400.000
8	Bà Trần Thị Hồng Thảo	UV HĐQT	26.400.000
II	Ban kiểm soát		42.000.000
1	Ông Nguyễn Bá Khiêm	Trưởng Ban kiểm soát	18.000.000
2	Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên BKS	12.000.000
3	Bà Lâm Thị Mỹ Dung	Thành viên BKS	12.000.000
Tổng cộng			356.400.000

2. Tiền lương, thu nhập của Tổng giám đốc

Tiền lương và các khoản bổ sung khác của Tổng giám đốc được chi trả theo quy định của Công ty, do HĐQT quyết định. Tổng tiền lương và các khoản thu nhập khác được nhận là 318.709.553 đồng, trong đó:

- Tiền lương và khoản bổ sung khác theo quy định: 282.009.553 đồng;
- Thù lao thành viên Hội đồng quản trị: 26.400.000 đồng;
- Các khoản hỗ trợ khác: 10.300.000 đồng.

VI. Kế hoạch hoạt động HĐQT năm 2021

1. Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 với các nội dung trọng tâm:

1.1. Xây dựng nội dung kiểm tra giám sát có trọng tâm, trọng điểm đối với hoạt động Công ty, nâng cao chất lượng quản trị đảm bảo tính hiệu quả trong kinh doanh;

1.2. Tập trung giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và hệ thống cán bộ quản lý của Công ty mẹ trong việc triển khai thực hiện mục tiêu, kế hoạch năm 2021, với quan điểm "*Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu hệ thống kinh doanh, tập trung cải cách, đổi mới cơ chế nhằm phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của từng cá nhân, từng khâu công việc, của từng đơn vị để thực hiện mục tiêu: giảm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh.*" thông qua việc triển khai thực hiện các công việc, nội dung và các giải pháp cụ thể theo Báo cáo của Tổng giám đốc;

1.3. Cụ thể hóa thông tin, thời gian cung cấp thông tin, chế độ báo cáo của Tổng giám đốc, Chủ tịch công ty cho Hội đồng quản trị để nâng cao hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát.

2. Phối hợp với Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hoàn chỉnh hệ thống các văn bản pháp lý của Công ty phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định có liên quan của pháp luật để trình cho Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Đối với các quy chế, quy định thuộc phạm vi của Hội đồng quản trị hoặc của Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị sẽ rà soát và sẽ có kế hoạch để xúc tiến việc thay đổi, bổ sung, hoàn chỉnh cho phù hợp với tình hình của Công ty, làm cơ sở để nâng cao hiệu quả, hiệu lực của công tác quản trị.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo của Hội đồng quản trị trình cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Xin chân thành cảm ơn sự lắng nghe của Đại hội.

Pleiku, ngày 01 tháng 4 năm 2021

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN THÁI BÌNH

BAN KIỂM SOÁT*Pleiku, ngày 14 tháng 03 năm 2021*

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính trình: Quý cổ đông Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua, có hiệu lực áp dụng kể từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP Thương mại Gia Lai và Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;

Căn cứ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai;

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC,

Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát trong năm 2020 như sau:

I. Tình hình nhân sự của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2022, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 bầu có 3 thành viên và Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 bầu bổ sung 01 thành viên có đơn xin từ chức, hiện nay các thành viên Ban kiểm soát gồm có:

1. Ông Nguyễn Bá Khiêm - Trưởng Ban kiểm soát
2. Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thành viên
3. Bà Lâm Thị Mỹ Dung - Thành viên

II. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020

1. Các hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát

Thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, trong năm 2020 Ban kiểm soát đã kiểm tra, giám sát các nội dung sau:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Hội đồng quản trị (HDQT), Tổng giám đốc;

- Giám sát công tác quản trị và quản lý điều hành của HĐQT và Tổng giám đốc;

- Kiểm tra, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác quản lý tài chính, điều hành kinh doanh và tổ chức công tác hạch toán kế toán đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty thông qua các cuộc họp và việc ban hành các thông báo, văn bản chỉ đạo công tác kinh doanh, các báo cáo định kỳ của các chi nhánh và Công ty;

- Phối hợp với đoàn kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC để kiểm tra và thẩm định số liệu đã trình bày trong các báo cáo tài chính hàng quý, năm của Công ty mẹ;

- Kiểm tra sổ sách kế toán, việc ghi chép, thực hiện các nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, chế độ hạch toán kế toán;

- Kiểm tra việc thực hiện chế độ báo cáo và nội dung công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của luật chứng khoán.

2. Thù lao, chi phí hoạt động và lợi ích khác của Ban kiểm soát.

- Thù lao chi trả cho các thành viên Ban kiểm soát năm 2020 là 42.000.000 đồng, trong đó:

+ Ông Nguyễn Bá Khiêm - Trưởng Ban kiểm soát: 18.000.000 đồng

+ Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Thành viên: 12.000.000 đồng

+ Bà Lâm Thị Mỹ Dung – Thành viên: 12.000.000 đồng

- Chi phí hoạt động và lợi ích khác của Ban kiểm soát trong năm: 0 đồng.

3. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát

Trong năm 2020, Trưởng Ban kiểm soát đã tổ chức 4 cuộc họp và triệu tập các thành viên tham dự họp đầy đủ, để đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát theo từng lĩnh vực được phân công cho mỗi thành viên, các thành viên báo cáo kết quả giám sát cho Trưởng ban kiểm soát trong việc kiểm tra, giám sát các hoạt động của Chi nhánh và Công ty.

- Phiên họp thứ nhất: ngày 17/3/2020 Ban Kiểm soát họp thông qua các nội dung báo cáo của Ban kiểm soát năm 2019 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;

- Phiên họp thứ hai: ngày 03/06/2020 Ban kiểm soát họp thông qua chương trình công tác năm 2020 và triển khai một số nội dung kiểm tra, giám sát trọng tâm trong năm 2020;

- Phiên họp thứ ba: ngày 21/8/2020 Ban kiểm soát họp thông qua kết quả kiểm tra tại Chi nhánh Comexim 2 và đề ra nội dung kiểm tra tại Chi nhánh Comexim 8 và Comexim 9;

- Phiên họp thứ tư: ngày 15/10/2020 Ban kiểm soát họp đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ được phân công trong công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh doanh tại các Chi nhánh trực thuộc.

4. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát hoạt động độc lập, trung thực, khách quan tuân thủ theo đúng quy định của Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Điều lệ công ty, pháp luật.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và các tài liệu liên quan đến công tác điều hành kinh doanh, Ban kiểm soát lập kế hoạch kiểm tra, cụ thể đã thực hiện kiểm tra 2 đơn vị trực thuộc, rà soát các hợp đồng kinh tế, tình hình sử dụng vốn, quản lý tài sản, hàng hóa, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, tài chính của từng đơn vị..., và kiểm tra những vấn đề mà theo ý kiến của Ban kiểm soát đánh giá còn hạn chế làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty. Kết thúc mỗi đợt kiểm tra, Ban kiểm soát tiến hành họp, phân tích tổng hợp các kiến nghị gửi cho HĐQT, Tổng giám đốc xem xét xử lý kịp thời hạn chế sai sót, nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành kinh doanh.

III. Kết quả kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát

a. Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020, HĐQT đã triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đầy đủ và đúng quy định, kết quả thực hiện:

- Việc chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát được thực hiện đúng theo nội dung Nghị quyết đã thông qua;

- HĐQT đã ủy quyền cho Tổng giám đốc tiến hành ký kết hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC Đà Nẵng, trực thuộc Bộ Tài chính để thực hiện việc kiểm toán cho năm tài chính 2020;

- Kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020 như sau:

+ Về doanh thu:

. Công ty mẹ là 780.860.503.321 đồng, đạt 97,61% kế hoạch, giảm 6,29% so với năm 2019.

. Công ty con là: 175.713.077.995 đồng, đạt 107,8% kế hoạch, tăng 12,69% so với năm 2019.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trên Báo cáo tài chính công ty mẹ, công ty con, bao gồm: doanh thu từ hoạt động bán hàng, doanh thu nội bộ, tiêu dùng, khuyến mãi, thưởng doanh số. Các khoản chiết khấu chi hộ cho đối tác Công ty hạch toán giảm giá vốn hàng bán thay vì tăng doanh thu, đây là khoản doanh thu bán hàng bị giảm do thực hiện chiết khấu giảm trừ trên hóa đơn giá trị gia tăng.

+ Về lợi nhuận:

. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ: 2.717.079.123 đồng, đạt 90,57% kế hoạch, tăng 113,4 % so với năm 2019.

. Lợi nhuận sau thuế công ty con: 1.548.383.652 đồng, đạt 110,57% kế hoạch, tăng 18,72% so với năm 2019.

- Kết quả hợp nhất công ty mẹ, Công ty con:

+ Doanh thu: 956.573.581.316 đồng, đạt 99,33% kế hoạch.

+ Lợi nhuận: 4.265.462.775 đồng, đạt 96,94 kế hoạch.

+ Lợi nhuận khác: 3.155.813.809 đồng.

- Kết quả kinh doanh của công ty liên kết:

+ Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – Gia Lai (Co.opMart Pleiku) doanh thu không đạt kế hoạch, lợi nhuận đạt 3,502 tỷ đồng và tăng 58,17% so với năm 2019.

+ Công ty TNHH MTV Sài Gòn – Chư Sê (Co.opMart Chư Sê) tiếp tục bị lỗ 8,882 tỉ đồng, giảm lỗ so với 2019 là 3,877 tỉ đồng.

+ Hợp nhất Co.opMart Pleiku và Co.opMart Chư sê lỗ 5,38 tỉ đồng, giảm lỗ so với năm 2019 là 5,165 tỉ đồng.

Đối chiếu với Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông năm 2020 thông qua, kết quả hợp nhất Công ty mẹ và công ty con thì doanh thu đạt 99,33% tiệm cận với mục tiêu, nhưng lợi nhuận đạt 96,94% chưa đạt mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra. Bên cạnh đó, hoạt động đầu tư vào Công ty liên kết tiếp tục bị lỗ, tuy có giảm lỗ so với năm trước, nhưng sau khi hợp nhất Báo cáo tài chính Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai vẫn bị ảnh hưởng.

b. Kết quả giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị

HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát điều hành Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm, HĐQT đã tổ chức 4 phiên họp thường kỳ, 7 phiên họp đột xuất và 01 lần lấy ý kiến bằng văn bản để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các cuộc họp đều được tổ chức theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của HĐQT.

Tại các cuộc họp, HĐQT đánh giá và chỉ ra những hạn chế còn tồn tại trong công tác điều hành quản lý của Tổng giám đốc việc thực hiện các chủ trương của HĐQT và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, để kịp thời khắc phục, hạn chế các rủi ro, duy trì bộ máy quản lý hoạt động ổn định. Việc ban hành văn bản chỉ đạo của HĐQT đảm bảo tính pháp lý, hợp pháp, hợp lệ, đúng thẩm quyền và phù hợp với các qui định của pháp luật và Điều lệ công ty, các nội dung hoạt động cụ thể trong năm, được HĐQT trình bày trong báo cáo của HĐQT, trước Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.

Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm có sự đổi mới, hiệu quả hơn trong công tác giám sát các hoạt động của Tổng giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty, đáp ứng được các yêu cầu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh hiện nay và phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

c. Kết quả giám sát Tổng giám đốc và cán bộ quản lý

Trong năm 2020, Tổng giám đốc bám sát mục tiêu, định hướng và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và HĐQT giao, cụ thể:

- Đã cụ thể hóa mục tiêu và có biện pháp triển khai kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tăng cường công tác quản lý tài chính hướng đến các chỉ số quản lý tài chính an toàn và hiệu quả.

- Hàng quý Tổng giám đốc đã tổ chức các cuộc họp giao ban và mời chủ tịch HĐQT tham gia để đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và đánh giá tiến độ thực hiện kết quả hoạt động kinh doanh từng chi nhánh, từng lĩnh vực kinh doanh, nhóm/ngành hàng về doanh thu, lợi nhuận, chỉ tiêu tài chính, công nợ, tồn kho, vốn sử dụng..., từ đó đưa ra các công việc trọng tâm phải thực hiện trong quý tiếp theo đầy mạnh tiến độ thực hiện.

- Thực hiện chủ trương tái cơ cấu lại hệ thống kinh doanh, thay đổi mô hình quản trị, Tổng giám đốc đã đề nghị HĐQT giải thể 2 chi nhánh Comexim 4 và Comexim 6, bổ sung thêm chức năng cho phòng Kinh doanh trực tiếp kinh doanh một số ngành hàng/nhóm hàng và bố trí sử dụng lao động phù hợp với năng lực, quy mô của các phòng ban, đơn vị trong toàn hệ thống.

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, trao đổi thông tin cho HĐQT và chủ động triển khai thực hiện các quyết định và các ý kiến chỉ đạo của HĐQT tại các cuộc họp.

Mặc dù chưa đạt mục tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông 2020 đề ra nhưng Tổng giám đốc đã có nhiều nỗ lực, cố gắng trong việc điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo lộ trình tái cơ cấu lại hệ thống kinh doanh, thay đổi mô hình quản trị để hướng tới nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết HĐQT trong toàn hệ thống còn thiếu sự đồng bộ nên hiệu quả chưa cao.

d. Kết quả kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính

Qua thẩm tra Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020, Ban kiểm soát thống nhất xác nhận kết quả như sau:

- Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã tuân thủ các quy định của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;

- Số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính được HĐQT báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông là số liệu đã được kiểm toán, đã phản ánh trung thực và hợp lý về

tình hình tài chính của Công ty cũng như kết quả kinh doanh và tình hình luân chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31/12/2020;

- Theo phân tích, đánh giá các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất Ban kiểm soát nhận định tình hình tài chính của Công ty ổn định, độc lập, tự chủ về mặt tài chính.

e. Kết quả sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

- Trong năm Ban kiểm soát được cung cấp thông tin về các Nghị quyết, quyết định của HĐQT, Tổng giám đốc đầy đủ kịp thời, tạo điều kiện cho Ban kiểm soát tiếp cận với thông tin, tài liệu liên quan đến các hoạt động kiểm tra, kiểm soát khi có yêu cầu.

- Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của HĐQT tổ chức, theo thư mời, các tài liệu liên quan đến cuộc họp được HĐQT gửi trước theo thời gian quy định. Đây là một yếu tố rất thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc nắm bắt thông tin và kiểm tra, giám sát.

- Tổng giám đốc Công ty cũng đã tạo điều kiện thuận lợi về mặt thời gian, nhân lực cho Ban kiểm soát khi thực hiện việc kiểm tra giám sát tại các đơn vị trực thuộc. HĐQT và Tổng giám đốc đã xem xét nghiêm túc các đề xuất kiến nghị của Ban kiểm soát thông qua các cuộc kiểm tra và có biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý.

- Trong năm Ban kiểm soát không nhận được văn bản yêu cầu, kiểm tra hoặc giải thích những vấn đề liên quan đến việc quản lý, điều hành hoạt động Công ty của bất cứ cổ đông nào.

IV. Kết luận và kiến nghị của Ban kiểm soát

Các báo cáo được HĐQT trình bày trước Đại hội gồm:

- Báo cáo hoạt động của HĐQT;
- Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng giám đốc;
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Ban kiểm soát đã thẩm định và hoàn toàn thống nhất với nội dung của các báo cáo được trình bày trước Đại hội.

Để hoàn thành các mục tiêu trong năm 2021, Ban kiểm soát kiến nghị những vấn đề sau:

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành quản lý để nâng cao hiệu quả quản trị.

- Triển khai thực hiện các chủ trương, kết luận của HĐQT một cách đồng bộ trong hệ thống để nâng cao chất lượng điều hành và cải thiện hiệu quả kinh doanh.

- Tăng cường các giải pháp giảm hàng tồn kho, thu hồi công nợ thị trường và kiểm soát chặt chẽ các chỉ số tài chính để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Trên đây là toàn bộ báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét.

Trân trọng cảm ơn!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



NGUYỄN BÁ KHIÊM



Địa chỉ: 56 Lê Lợi, T.P Pleiku, tỉnh Gia Lai
Điện thoại: 02693.823978 Fax: 02693.823666
Website: www.comexim.com.vn

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Trên cơ sở các quy định có liên quan của Công ty, quy định của pháp luật và được sự ủy quyền của Ban kiểm soát,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua:

1. Điều lệ của Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai (sửa đổi, bổ sung).
2. Quy chế nội bộ quản trị công ty của Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai (ban hành mới).
3. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai (ban hành mới).
4. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thương mại Gia Lai (ban hành mới).

Nội dung của Điều lệ và các quy chế trên đều được lập theo mẫu do Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC, ngày 31/12/2020.

Xin chân thành cảm ơn!

Pleiku, ngày 01 tháng 4 năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN THÁI BÌNH



Địa chỉ: 56 Lê Lợi, T.P Pleiku, tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 02693.823978 Fax: 02693.823666

Website: www.comexim.com.vn

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Trên cơ sở nhận định và đánh giá tình hình năm 2021, căn cứ vào Điều lệ công ty, các quy định có liên quan và được sự ủy quyền của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua các vấn đề sau:

1. Kế hoạch kinh doanh năm 2021

- Doanh thu: 950 tỉ đồng, trong đó Công ty mẹ 770 tỉ đồng, Công ty con 180 tỉ đồng.

- Lợi nhuận sau thuế: 5,1 tỉ đồng, trong đó Công ty mẹ 3,5 tỉ đồng, Công ty con 1,6 tỉ đồng.

2. Cổ tức chi trả năm 2021

Mức cổ tức dự kiến chi trả là $\geq 5\%$ trên mệnh giá cổ phần.

3. Lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2021

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc giao cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để thực hiện việc kiểm toán Công ty, trên cơ sở lựa chọn công ty kiểm toán độc lập từ danh sách sau:

- Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC;

- Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A & C tại Nha Trang.

Trong trường hợp không thống nhất được với những công ty kiểm toán nêu trên về tiến độ và mức phí kiểm toán, đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các công ty kiểm toán còn lại trong danh sách công ty kiểm toán độc lập được Bộ Tài chính chấp nhận để thực hiện việc kiểm toán Công ty.

4. Thù lao chi trả cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

4.1. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao chi trả cho các thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2021 bằng mức thù lao năm 2020, cụ thể như sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 10.000.000 đồng/tháng

- Các thành viên thường trực: 2.600.000 đồng/tháng/thành viên

- Các thành viên khác: 2.200.000 đồng/tháng/thành viên

4.2. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao chi trả cho các thành viên Ban kiểm soát trong năm 2021 bằng mức thù lao năm 2020, cụ thể như sau:

- Trưởng Ban kiểm soát: 1.500.000 đồng/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 1.000.000 đồng/tháng/thành viên.

Số tiền thù lao được nhận thực tế trong năm của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát sẽ được HĐQT/BKS báo cáo cụ thể tại Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định.

Xin chân thành cảm ơn!

Pleiku, ngày 02 tháng 4 năm 2021

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN THÁI BÌNH